

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST  
Ngày: 17/7/2024  
V/v tranh chấp Hợp đồng đại lý.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Phước;
2. Bà Lê Hiếu Xuyên.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em.*

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 356/ 2024/ TLST- DS ngày 21/12/2023, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng đại lý" theo quyết định h đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-DS ngày 14/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2024/QĐST-DS ngày 01/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1

Địa chỉ: Khu V H, phường T, quận Ô, Thành phố Cần Thơ. Mã số doanh nghiệp: 1801214848.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lý T, chức vụ: Giám đốc. Số điện thoại: 0292.6262.999 – 0946.462.462.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn N, chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0939963382 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1982 – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q (Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 52K8010456).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0389.787.444

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Võ Thị Kiều N1**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang.**

(Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn ông **Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **N1** vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1** do ông **Ngô Văn N** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

**Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1** (sau đây gọi tắt là **Công ty T1**) chuyên bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật). Ngày 01/10/2022, **Công ty T1** có ký kết Hợp đồng đại lý với ông **Nguyễn Thành Q**, nội dung cụ thể:

- Về cách thức giao hàng: **Công ty T1** bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông **Nguyễn Thành Q** thành nhiều đợt, Công ty giao hàng qua cửa hàng của ông **Q** và có ghi vào sổ công nợ cho ông **Q** và vợ là bà **Võ Thị Kiều N1** ký nhận. Sau đó ông **Nguyễn Thành Q** bán lẻ lại cho người dân để thu lợi nhuận.

- Về thời gian và phương thức thanh toán: Công ty sẽ cho ông **Nguyễn Thành Q** thanh toán ngay hoặc nợ lại trong vòng 90 ngày mới thanh toán (theo vụ mùa của nông dân). Với hóa đơn mua hàng trên 90 ngày chưa thanh toán, **Công ty T1** sẽ tính lãi suất thanh toán chậm với **H** kinh doanh **Nguyễn Thành Q** với mức lãi suất là 0,067%/ngày trên tổng số nợ quá hạn. Hàng tháng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ.

- Hai bên thỏa thuận nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì sẽ khởi kiện đến Tòa án.

Trong quá trình mua bán ông **Nguyễn Thành Q** và bà **Võ Thị Kiều N1** (vợ ông **Q**) thay phiên giao dịch với **Công ty T1** (thể hiện qua việc ký nhận Sổ công nợ và Bảng chi tiết công nợ phải thu với **Công ty T1**). Đến ngày 12/9/2023, **Công ty T1** có ký Bảng Chi tiết công nợ phải thu với ông **Nguyễn Thành Q**, theo đó ông **Q** xác nhận còn nợ lại **Công ty T1** số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 234.675.100 đồng Bà **Võ Thị Kiều N1** cũng xác nhận còn nợ lại số nợ trên trong Sổ công nợ của **Công ty T1** cùng ngày 12/9/2023.

Đến ngày 29/9/2023 phía Công ty và ông **Q** thống nhất ông **Q** sẽ trả hàng về công ty để giảm tiền nợ, theo đó số tiền hàng **Công ty T1** thu về là 115.762.100 đồng, bên cạnh đó ông **Q** phải trả 5% phí tái chế hàng trả về trên số tiền 115.762.100 đồng là 5.788.000 đồng. Như vậy ông **Q** còn nợ lại **Công ty T1** tổng số tiền gốc, lãi là 141.065.296 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 125.196.000 đồng và tiền nợ lãi là 15.869.296 đồng, Công ty có làm Bảng chi tiết công nợ phải thu ngày 16/10/2023 cho ông **Q** ký xác nhận số nợ trên nhưng ông **Q** từ chối ký nhận và từ đó dù Công ty đã liên hệ đòi tiền nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn ông **Nguyễn Thành Q** không trả được số tiền nào nữa.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty tổng số tiền gốc tổng số tiền gốc, lãi là 141.065.296 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 125.196.000 đồng và tiền nợ lãi là 15.869.296 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 phải liên đới trả nợ cho Công ty T1 nữa. Đối với khoản tiền hoa hồng, tiền rút thăm bị đơn đề cập thì phía Công ty T1 có ý kiến như sau: Ông Q không thanh toán đủ mốc doanh thu mà ông đã thỏa thuận với Công ty T1 và số tiền hàng mà đại lý nhận đã quá hạn thanh toán rất lâu vì thế ông Q không đủ tiêu chuẩn tham gia chương trình du lịch và bốc thăm với Công ty T1, phía Công ty cũng đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án theo quy định.

Tại đơn đơn xin tạm hoãn giải quyết vụ án ngày 26/02/2024 của bị đơn ông Nguyễn Thành Q gửi đến Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, ông Q trình bày: "...tôi làm đơn này xin Tòa án cho tôi xin hoãn vụ công ty T1 trong vụ kiện tôi. Cho tôi hoãn lại lý do nhà có việc không đến Tòa án và tính với nhân viên Cty Năm Sao tiền rút thăm, tiền quê hồng...". Ngoài đơn xin tạm hoãn vụ án trên thì dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông Q thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của của nguyên đơn, nhưng bà N1 vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà N1.

Tại phiên tòa: Ông Ngô Văn N là người diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T1 có mặt; bị đơn ông Nguyễn Thành Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1 phải liên đới trả nợ do nguyên đơn tự nguyện rút. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q phải trả cho Công ty T1 tổng số tiền gốc, lãi là 141.065.296 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 125.196.000 đồng và tiền nợ lãi

là 15.869.296 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q phải chịu án phí theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 có Giấy đăng ký kinh doanh số: 1801214848, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2011 và hiện còn đang hoạt động. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại Công văn số 130/PTCKH ngày 21/3/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch thể hiện "...Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q vẫn còn đang hoạt động không có gửi thông báo tạm ngưng hay giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh", chủ hộ vẫn là ông Nguyễn Thành Q; Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là Hợp đồng đại lý, chủ thể trong hợp đồng và thực hiện hợp đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 có tư cách pháp nhân, Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q (cá nhân) chủ hộ là ông Nguyễn Thành Q có mục đích kinh doanh và lợi nhuận nên đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 và khoản 11 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017) và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy tranh chấp giữa các đương sự đã chuyển từ chấp dân sự (thụ lý ban đầu) sang kinh doanh thương mại nên tại phiên tòa HĐXX xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại.

Bị đơn có địa chỉ kinh doanh trên địa bàn huyện T, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 73, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành Q và bà Võ Thị Kiều N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng đại lý và yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả nợ gốc.

Xét thấy hợp đồng đại lý ngày 01/10/2022 đã được các bên thống nhất ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và đến thời điểm ký xác nhận nợ thì ông Nguyễn Thành Q đã có giấy phép đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Điều 3, Điều 6 và Mục 4 Chương V của Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017) xác định thỏa thuận hợp đồng của hai bên nêu trên là một trong các hoạt động trung gian thương mại,

phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng đại lý giữa Công ty T1 với H kinh doanh Nguyễn Thành Q là hợp pháp và các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

Theo quy định của pháp luật Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân, khi phát sinh các khoản nợ, chủ hộ kinh doanh là cá nhân phải chịu trách nhiệm trả hết nợ, không phụ thuộc vào số tài sản kinh doanh hay dân sự mà họ đang có; không phụ thuộc vào việc họ đang thực hiện hay đã chấm dứt thực hiện hoạt động kinh doanh. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành Q vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với Hợp đồng đại lý ngày 01/10/2022 và Bảng chi tiết công nợ phải thu ngày 12/9/2023 (02 văn bản trên đều có đầy đủ chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q) và yêu cầu trả gốc lãi của nguyên đơn theo Thông báo Thụ lý vụ án của Tòa án nên việc ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q còn nợ Công ty T1 số tiền gốc là 125.196.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là việc không cần phải chứng minh. Do H kinh Nguyễn Thành Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q là ông Nguyễn Thành Q phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ gốc còn lại là 125.196.000 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng đại lý với hóa đơn mua hàng trên 90 ngày chưa thanh toán, Công ty T1 sẽ tính lãi suất thanh toán chậm với H kinh doanh Nguyễn Thành Q với mức lãi suất là 0,067%/ngày trên tổng số nợ quá hạn. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày thanh toán trễ hạn đến ngày 29/9/2023 với lãi suất là 1%/tháng, lãi suất này phù hợp mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng đại lý và phù hợp với quy định về lãi suất tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn Thành Q – chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q phải trả cho Công ty T1 tổng số tiền gốc, lãi là 141.065.296 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 125.196.000 đồng và tiền nợ lãi là 15.869.296 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 phải liên đới trả nợ cho Công ty T1 nữa.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 phải liên đới trả nợ cho Công ty T1.

[2.4] Xét yêu cầu xin tạm hoãn giải quyết vụ án của bị đơn ông Nguyễn Thành Q:

Tại đơn xin tạm hoãn giải quyết vụ án ngày 26/02/2024 của bị đơn ông Nguyễn Thành Q gửi đến Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, ông Q trình bày: “...tôi làm đơn này xin Tòa án cho tôi xin hoãn vụ công ty T1 trong vụ kiện tôi. Cho tôi hoãn lại lý do nhà có việc không đến Tòa án và tính với nhân viên Cty Năm Sao tiền rút thăm, tiền quê hồng...”.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông Q, bà N1 để đối chất làm rõ phần tiền hoa hồng, tiền rút thăm giữa nguyên đơn với bị đơn nhưng ông Q, bà N1 vẫn vắng mặt không lý do và không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên việc ông Q nêu lý do để tính toán lại tiền hoa hồng, tiền rút thăm với nguyên đơn đề nghị Tòa án hoãn giải quyết vụ án là không có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 73, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 6 và Mục 4 Chương V của Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N1 phải liên đới trả nợ do nguyên đơn tự nguyện rút.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 tổng số tiền gốc, lãi là 141.065.296 đồng (một trăm bốn mươi một triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 125.196.000 đồng và tiền nợ lãi là 15.869.296 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất*

phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

### 3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành Q - Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q phải chịu 7.053.265 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.526.632 đồng theo biên lai thu số 0013498 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**      **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**      **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
TAND tỉnh An Giang  
- VKSND huyện Thoại Sơn;  
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;  
- Các đương sự (để thi hành);  
- Lưu.

**Trần Thị Cẩm Xuyên**